

Số: 04/2020/QĐ-UBND

Đồng Tháp, ngày 19 tháng 02 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Quy định khung giá dịch vụ sử dụng Phà Đồng Tháp

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 06 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quyết định này quy định khung giá dịch vụ sử dụng Phà Đồng Tháp (bao gồm các bến phà trực thuộc Phà Đồng Tháp quản lý, khai thác, kinh doanh theo quy định).

2. Quyết định này áp dụng đối với người và các phương tiện tham gia giao thông đường bộ khi qua Phà Đồng Tháp.

3. Đối tượng không thu dịch vụ sử dụng phà:

a) Người đi bộ, xe đạp, xe đạp điện.

b) Xe cứu thương; cứu hỏa; xe máy nông nghiệp, lâm nghiệp; xe hộ đê; xe làm nhiệm vụ khẩn cấp về chống lụt bão; xe chuyên dùng phục vụ cho quốc phòng, an ninh; đoàn xe đưa tang; đoàn xe có hộ tống, dẫn đường; xe làm nhiệm vụ vận chuyển thuốc men, máy móc, thiết bị, vật tư, hàng hóa đến những nơi bị thảm họa hoặc vùng có dịch bệnh.

c) Thương, bệnh binh; Người và phương tiện của học sinh đi học hàng ngày; trẻ em dưới 10 tuổi; Người cao tuổi.

Điều 2. Quy định về khung giá theo tháng

1. Đối tượng mua vé tháng: xe gắn máy, xe mô tô 02 bánh, xe điện 02 bánh và các loại xe tương tự.

2. Thời gian áp dụng: vé tháng được phát hành trong tháng, kể từ ngày 01 đến ngày kết thúc tháng theo thời hạn ghi trên vé, không phân biệt thời gian ban ngày hay ban đêm.

Điều 3. Khung giá dịch vụ sử dụng phà

Chi tiết tại Phụ lục đính kèm.

Điều 4. Quản lý và sử dụng nguồn thu

1. Việc thu tiền dịch vụ sử dụng Phà Đồng Tháp phải có biên lai, hóa đơn thu theo quy định; đơn vị thu phải thực hiện niêm yết công khai khung giá dịch vụ sử dụng phà tại nơi thu tiền.

2. Đơn vị thu tiền dịch vụ sử dụng Phà Đồng Tháp phải mở sổ sách, kế toán theo dõi, phản ánh việc thu, nộp và quản lý, sử dụng nguồn thu, thực hiện nộp thuế theo quy định.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2020 và Quyết định số 73/2016/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành về việc quy định giá dịch vụ sử dụng Phà Đồng Tháp hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh;
- Thường trực Tỉnh ủy ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT/UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP/UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Công báo tỉnh;
- Lưu VT, KT-HS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thiện Nghĩa

PHỤ LỤC
KHUNG GIÁ DỊCH VỤ SỬ DỤNG PHÀ ĐỒNG THÁP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2020/QĐ-UBND ngày 19 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

TT	Đối tượng	Đơn vị tính	Khung giá <i>(đã bao gồm thuế VAT và bảo hiểm hành khách)</i>	Ghi chú
I	Khung giá dịch vụ theo lượt			
01	Xe mô tô 02 bánh, xe gắn máy, xe điện 02 bánh và các loại xe tương tự.	đồng/lượt	6.000	Tính chung cho người, xe và hàng hóa trên xe
02	Xe thô sơ (xe lô, ba gác, xích lô và các loại xe tương tự).	đồng/lượt	7.000	
03	Xe ô tô con dưới 7 ghế.	đồng/lượt	25.000	
04	- Xe ô tô từ 7 ghế đến dưới 12 ghế; Xe ô tô bán tải; - Xe ô tô tải có khối lượng toàn bộ dưới 03 tấn.	đồng/lượt	35.000	
05	- Xe ô tô khách từ 12 ghế đến dưới 16 ghế; Xe buýt các loại; - Xe ô tô tải có khối lượng toàn bộ từ 03 tấn đến dưới 05 tấn.	đồng/lượt	45.000	
06	- Xe ô tô khách từ 16 ghế đến 30 ghế; Xe ô tô giường nằm dưới 22 ghế; - Xe ô tô tải có khối lượng toàn bộ từ 05 tấn đến dưới 07 tấn.	đồng/lượt	60.000	
07	- Xe ô tô khách từ 30 ghế đến dưới 45 ghế; Xe ô tô giường nằm từ 22 ghế đến dưới 30 ghế; - Xe ô tô tải có khối lượng toàn bộ từ 07 tấn đến dưới 10 tấn.	đồng/lượt	80.000	
08	- Xe ô tô khách từ 45 ghế trở lên; Xe ô tô giường nằm từ 30 ghế trở lên; - Xe ô tô tải có khối lượng toàn bộ từ 10 tấn đến dưới 15 tấn; Xe máy thi	đồng/lượt	95.000	

TT	Đối tượng	Đơn vị tính	Khung giá <i>(đã bao gồm thuế VAT và bảo hiểm hành khách)</i>	Ghi chú
	công, xe đào, xe ủi, xe xúc bánh hơi, xe lu dưới 09 tấn.			Tính chung cho người, xe và hàng hóa trên xe
09	Xe ô tô tải có khối lượng toàn bộ từ 15 tấn đến dưới 20 tấn.	đồng/lượt	130.000	
10	- Xe ô tô tải có khối lượng toàn bộ từ 20 tấn trở lên; - Xe máy thi công: xe đào, xe ủi, xe xúc bánh xích, xe lu từ 9 tấn trở lên; - Xe ô tô chuyên dùng: xe bơm bê tông, xe trộn bê tông, xe hút chất thải...	đồng/lượt	150.000	
II	Khung giá dịch vụ thuê chuyển phà			
01	Thuê bao cả chuyến phà 40 tấn hoặc 60 tấn.	đồng/chuyến	250.000	
02	Thuê bao cả chuyến phà 100 tấn.	đồng/chuyến	350.000	
03	Thuê bao cả chuyến phà 200 tấn.	đồng/chuyến	500.000	
III	Khung giá theo tháng			
1	Xe mô tô 02 bánh, xe gắn máy, xe điện 02 bánh và các loại xe tương tự.	đồng/xe/tháng	180.000	